

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành bán lẻ với thanh khoản giảm.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HAH, GMD

[Cập nhật công ty]

GAS, REE, KBC

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi mở lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ, chờ điểm bán quay vòng khi giá cổ phiếu vượt đỉnh ngắn hạn và tiếp cận các vùng cản kế tiếp.

12/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,116.02	+0.77
VN30	1,109.63	+0.80
HĐTL VN30F1M	1,108.30	+1.19
HNXIndex	229.37	+0.78
HNX30	427.25	+1.52
UPCoM	84.53	+0.40
USD/VND	23,477	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.03	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.30	-17
Dầu (WTI, \$)	68.66	-2.15
Vàng (LME, \$)	1,963.99	+0.14



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,116.02 (+0.77%)
KLGD (triệu CP) 726.3 (-12.0%)
GTGD (triệu US\$) 650.3 (-7.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành bán lẻ với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại FUEVFNVD (+0.9%), SSI (+0.4%), KBC (+1.1%).

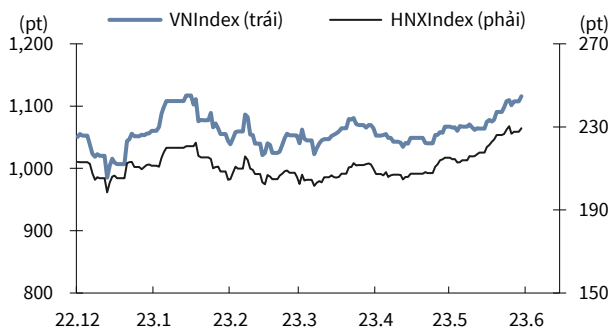
HNXIndex 229.37 (+0.78%)
KLGD (triệu CP) 104.8 (-18.1%)
GTGD (triệu US\$) 74.2 (-3.5%)

Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tuần vừa qua, giá dầu WTI của Mỹ đóng cửa ở mức 70.17 USD/thùng, giảm 1.57 USD so với tuần trước. Sự lao dốc của giá dầu là do dữ liệu kinh tế yếu của Trung Quốc và dự trữ xăng của Mỹ tăng. Giá cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVD (-0.85%), PLX (-0.13%).

UPCoM 84.53 (+0.40%)
KLGD (triệu CP) 53.7 (-52.2%)
GTGD (triệu US\$) 26.1 (-19.3%)

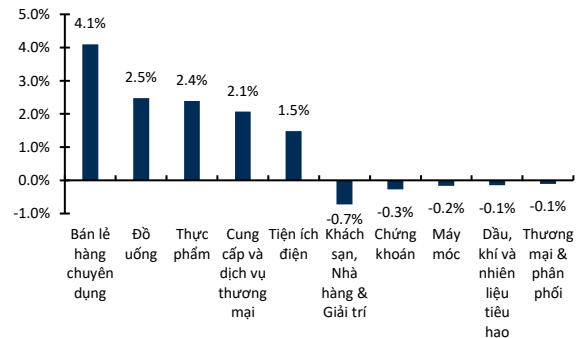
Theo GSO, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2023 ước đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 11.5% so với cùng kỳ năm trước. Giá cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở DGW (+6.91%), MWG (+3.86%).

VNIndex & HNXIndex



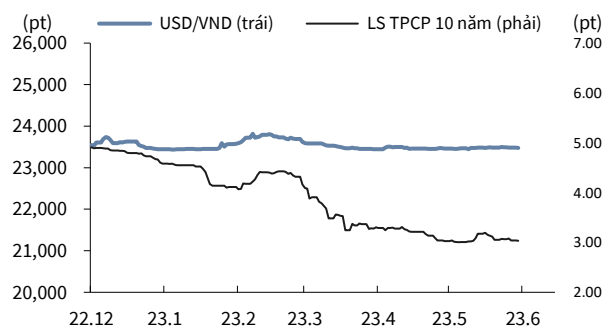
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



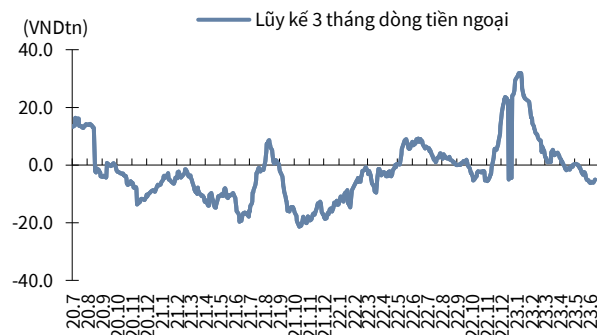
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

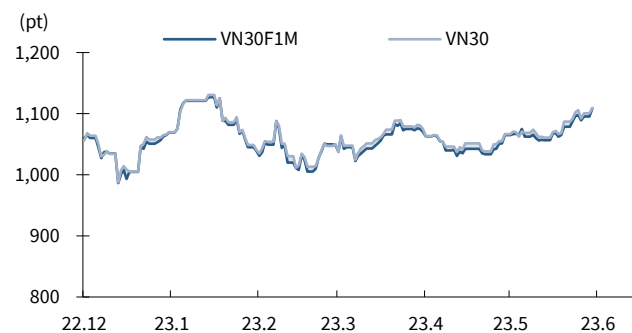
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,109.63 (+0.80%)
VN30F1M	1,108.3 (+1.19%)
Mở cửa	1,098.3
Cao nhất	1,150.0
Thấp nhất	1,091.2

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại -3.45 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -3 điểm và đóng cửa tại -1.33 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

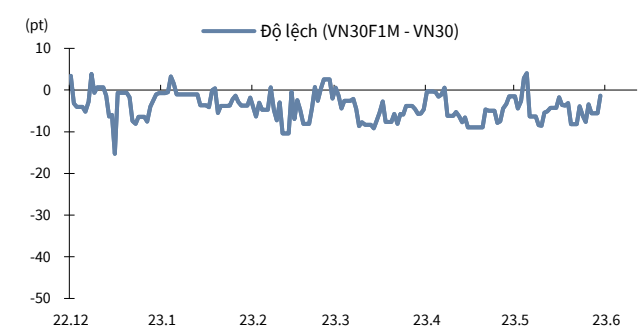
KLGD (HĐ) **162,714 (+9.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



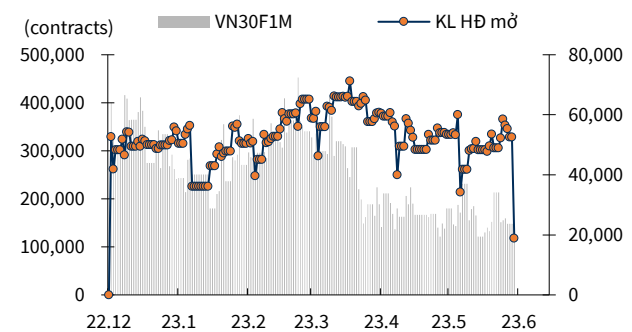
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



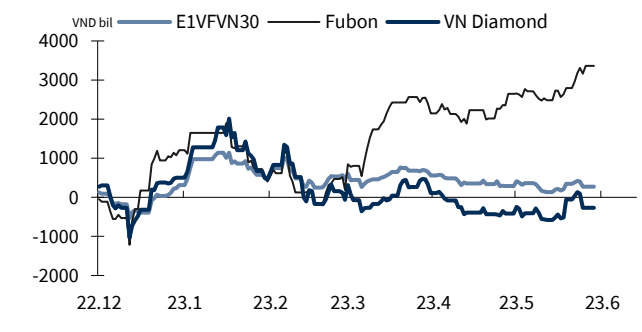
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

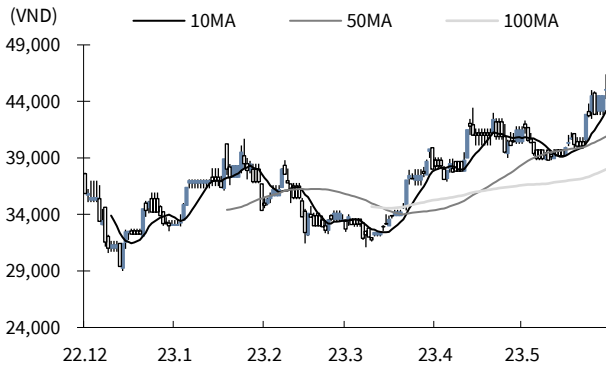
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH)

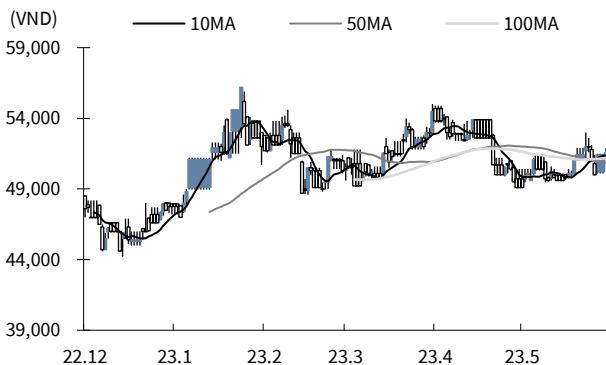


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH tăng 1.24% lên 45,050VND/cp

- CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lãi ròng 492 tỷ đồng (-41% YoY) và tổng doanh thu 2,959 tỷ đồng (-9% YoY). Về kế hoạch đầu tư, công ty cũng sẽ tiếp tục dự án đóng mới 3 tàu loại 1,800 TEU (Bangkok Mark IV) với vốn đầu tư dự kiến là 2,000 tỷ đồng. Đồng thời, tiếp tục thực hiện dự án đầu tư cảng, Depot tại khu vực Cái Mép với giá trị ước tính 300 tỷ đồng.

CTCP Gemadept (GMD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GMD tăng 0.39% lên 51,600VND/cp

- CTCP Gemadept cho biết từ nay cho tới 2025, giai đoạn 2 của Cảng Gemalink (Cái Mép - Thị Vải) là một trong những dự án trọng tâm của công ty với tổng vốn đầu tư là 300 triệu USD. Theo đó, lãnh đạo công ty đã quyết định thực hiện giai đoạn 2 Cảng Gemalink để nâng công suất lên 3 triệu TEU/năm. Khi dự án hoàn thành, tuyến cầu bến tại cụm cảng này sẽ dài 1.5 km và đón được tàu tải trọng 250,000 DWT.

09/06/2023

Doanh thu 1Q2023 giảm mạnh nhưng LNST vẫn khả quan

Trong 1Q2023, doanh thu giảm 20.5% YoY do giá cả các mặt hàng làm tham chiếu giá bán sản phẩm (FO, LPG) giảm mạnh. Sản lượng tiêu thụ giảm so với cùng kỳ do hoạt động sản xuất của nhóm khách hàng công nghiệp suy yếu. LNST chỉ giảm 2.2% YoY do lợi nhuận từ nhóm khách hàng nhà máy điện và đạm ổn định.

Giá dầu thô kỳ vọng hồi phục trong giai đoạn cuối 2Q2023 tới cuối 3Q2023

Chúng tôi kỳ vọng giá dầu sẽ hồi phục kể từ cuối 2Q2023 khi thế giới bước vào mùa cao điểm tiêu thụ mùa hè. Từ tháng 07/2023, khối OPEC+ sẽ cắt giảm tới 4.66 triệu thùng/ngày, tương đương với khoảng 4.6% nhu cầu tiêu thụ của thế giới. Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ (EIA) dự báo tồn kho dầu thô thế giới có thể sẽ ghi nhận mức giảm liên tục từ 3Q tới cuối năm 2023 do hệ quả từ các quyết định cắt giảm sản lượng từ khối OPEC+.

Giá LNG châu Á giảm xuống mức hợp lý, giúp tăng tính khả thi cho các dự án kinh doanh LNG

Kho LNG Thị Vải giai đoạn 1 đã hoàn thành và được đưa vào hoạt động thử nghiệm trong cuối 2Q2023. Trong tháng 05/2023, GAS đã chào mua lô LNG đầu tiên của Việt Nam và sẽ nhận hàng từ ngày 01/06 đến ngày 31/07. Chúng tôi ước tính khoảng 10-15 USD/mmBTU sẽ là khoảng giá nhập khẩu LNG hợp lý để các dự án nhà máy điện khí có thể đạt hiệu quả kinh tế trong dài hạn. Tới 2Q2023, giá LNG trên thị trường châu Á và châu Âu đã sụt giảm mạnh xuống mức 11-13 USD/mmBTU do không còn tình trạng giành giật khí đốt giữa châu Âu và châu Á như trong năm 2022. Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) cũng dự báo giá LNG châu Á sẽ giao động dưới mức 15 USD/mmBTU trong nửa sau năm 2023 và 2024.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 118,000 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF, triển vọng kinh doanh dài hạn cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là 118,000 VNĐ/cổ phiếu với mức upside 25.9% so với giá tại ngày 09/06/2023.

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	VND118,000
Tăng/giảm (%)	25.9%
Giá hiện tại (09/06/2023)	VND 93,700
Giá mục tiêu thị trường	VND113,533
Giá trị vốn hóa (tỷ VND)	179,342

Dự phóng KQKD & định giá

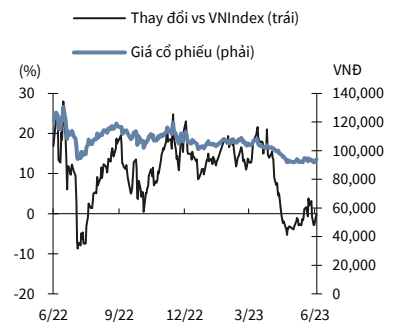
Năm tài chính	2021A	2022	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	78,992	100,724	88,343	92,440
EBIT	10,374	17,799	14,673	15,954
LN sau CĐT	8,673	14,794	12,799	14,139
EPS (VND)	4,356	7,647	6,687	7,387
Thay đổi EPS (%)	8.1	75.6	-13.0	10.0
P/E (x)	16.6	14.0	18.0	16.3
EV/EBITDA (x)	10.6	9.7	12.7	11.1
P/B (x)	2.7	3.4	3.3	2.9
ROE (%)	17.0	24.6	18.5	18.1
Tỷ suất cổ tức (%)	4.2	2.9	1.7	2.5

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ free-float (%)	4.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	179,911.30
Sở hữu nước ngoài (%)	2.9%
Cổ đông lớn (%)	Petrovietnam (95.76%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.3	-9.4	-17.0	-25.7
Tương đối	-3.1	-15.2	-17.3	-12.7



Nguồn: Bloomberg, KBSV

09/06/2023

Doanh thu và lợi nhuận 1Q2023 của REE tăng trưởng tích cực

Doanh thu 1Q2023 đạt 2,371 tỷ (+16% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,054 tỷ VND (+10% YoY), chủ yếu nhờ đóng góp của mảng năng lượng. Trong đó, doanh thu và lợi nhuận của mảng năng lượng vẫn đóng góp tỷ trọng chính. Các nhà máy thủy điện của REE trong 1Q2023 cho thấy kết quả tích cực vượt kế hoạch, bù đắp cho mảng nhiệt điện do nhà máy Phả Lại vẫn chưa khắc phục xong sự cố. Năng lượng tái tạo duy trì mức ổn định.

Mảng điện: REE có mục tiêu mở rộng danh mục đầu tư năng lượng

Quy hoạch điện VIII mới được thông qua gần đây với điểm nhấn tập trung phát triển điện gió trên bờ và gió ngoài khơi. Tận dụng lợi thế từ dòng tiền ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh, REE có mục tiêu mở rộng danh mục đầu tư năng lượng tái tạo của mình trong những năm tới. Theo thông tin từ cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2022, công ty dự kiến sẽ bổ sung 100 MW vào danh mục phát điện vào năm 2023 nhưng không mở rộng công suất điện mặt trời do chính sách.

Mảng Bất động sản và cho thuê văn phòng: Kỳ vọng tăng trưởng từ E-town 6

Về mảng cho thuê văn phòng, REE sẽ hoàn thành xây dựng và nội thất cho dự án E-town 6. Dự án được kỳ vọng bắt đầu cho thuê từ cuối 2023 với tỷ lệ lấp đầy khoảng 30%. Theo đó, chúng tôi dự phóng E-town 6 sẽ đóng góp vào doanh thu từ Quý 4/2023 với giá cho thuê vào khoảng 27 USD/m².

Về mảng Bất động sản, REE dự kiến sẽ bán 45 sản phẩm thấp tầng tại dự án Bồ Xuyên, Thái Bình từ Quý 3/2023. Doanh thu tương ứng khoảng 800-900 tỷ VND và lợi nhuận trước thuế đóng góp khoảng 200 tỷ.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 72,700 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu REE. Giá mục tiêu là 72,700 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 17.6% so với giá tại ngày 09/06/2023.

MUA DUY TRÌ

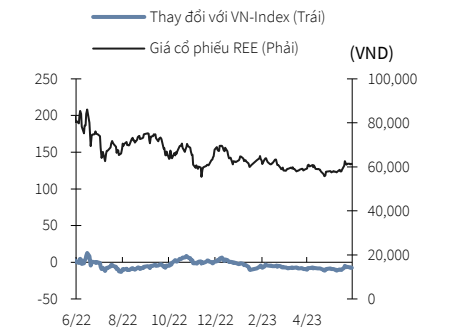
Giá mục tiêu	VND 72,700
Tăng/giảm (%)	17.6%
Giá hiện tại (09/06/2023)	63,100
Giá mục tiêu thị trường	68,000
Vốn hóa (tỷ VND)	25,053

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	42.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	
Sở hữu nước ngoài (%)	49.0%
Cổ đông lớn	Platinum Victory PTE LTD (31.05%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	9	3	1	-24
Tương đối	6	-3	-13	-7

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	5,810	9,372	9,387	10,271
EBIT	1,855	3,663	3,344	3,534
LN sau CĐTS	1,855	2,693	2,323	2,988
EPS (VND)	6,003	7,576	6,507	8,370
Thay đổi EPS (%)	14.3	26.2	-14.0	29.0
P/E (x)	12.1	10.6	11.2	8.7
EV/EBITDA (x)	13.0	8.7	8.8	8.2
P/B (x)	1.4	1.5	1.2	1.0
ROE (%)	13.1	18.3	13.7	13.1
Tỷ suất cổ tức (%)	0.4	2.0	2.1	2.3



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

TCT phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)

Cập nhật KQKD 1Q2023

09/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
 anhntn@kbsec.com.vn

1Q2023 doanh thu KBC đạt 2,223 tỷ VND (+225% yoy), hoàn thành 25% kế hoạch đề ra cho 2023

KBC kì vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay

Quỹ đất mới được phê duyệt lên tới 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn cho KBC

Việc Hải Phòng thông qua kế hoạch điều chỉnh quy hoạch kì vọng sẽ đẩy nhanh tiến độ KĐT Tràng Cát và KCN Tràng Duệ 3

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 33,100 VND/cổ phiếu

1Q2023, KBC ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt 2,223 tỷ VND (+225% yoy) và 1,056 tỷ VND (+102% yoy) nhờ ghi nhận doanh số bán đất lên tới 64 ha trong khi cùng kỳ năm trước chỉ ghi nhận 8.9 ha.

Trong 2022, KBC kí được hàng loạt các hợp đồng cho thuê và thỏa thuận nguyên tắc cho thuê, tuy nhiên chưa thể bàn giao do khách hàng chưa nhận được giấy chứng nhận đầu tư. Phần lớn các hợp đồng cho thuê đất KCN đã kí được kì vọng sẽ bàn giao trong năm nay.

Trong 2022, KBC đã được phê duyệt chủ trương đầu tư cho 1,256 ha đất tại các KCN Lộc Giang, Tân Lập và Quang Châu mở rộng. Quỹ đất mới này cùng với các dự án đang triển khai sẽ đảm bảo dư địa tăng trưởng cho KBC trong trung và dài hạn.

Quý 1 vừa qua, UBND TP Hải Phòng đã phê duyệt kế hoạch điều chỉnh chung quy hoạch Hải Phòng. Việc này kì vọng sẽ tác động tích cực tới tiến độ các dự án của KBC tại Hải Phòng, kết nối cơ sở hạ tầng sẽ được chú trọng đầu tư, đặc biệt khi KBC đang làm việc với chính quyền địa phương để xây dựng tuyến đường kết nối các dự án với cao tốc Hà Nội – Hải Phòng.

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KBC, mức giá mục tiêu là 33,100 VND/cổ phiếu, cao hơn 20% so với mức giá đóng cửa 27,600 VND ngày 09/06/2023.

Mua duy trì

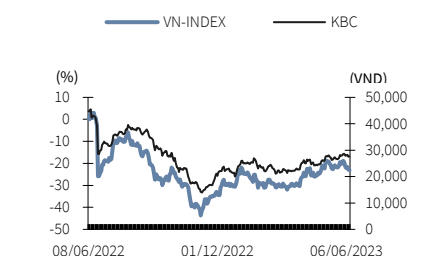
Giá mục tiêu	33,100
Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (29/03/2023)	27,600 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	25,408

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	67.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	191,977
Sở hữu nước ngoài (%)	16%
Cổ đông lớn	Ông Đặng Thành Tâm – Chủ tịch HĐQT (17.67%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	21	37	-38
Tương đối	-5	15	30	-23

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	4,246	957	6,266	4,988
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	954	1,596	3,039	2,078
Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	782	1,547	2,842	2,115
EPS (vnd)	1,586	2,019	3,147	2,342
Tăng trưởng EPS (%)	232%	27%	56%	-26%
P/E (x)	15.3	16.4	10.5	14.1
P/B (x)	2.2	1.0	1.3	1.2
ROE (%)	5.9%	8.9%	14.8%	10.0%

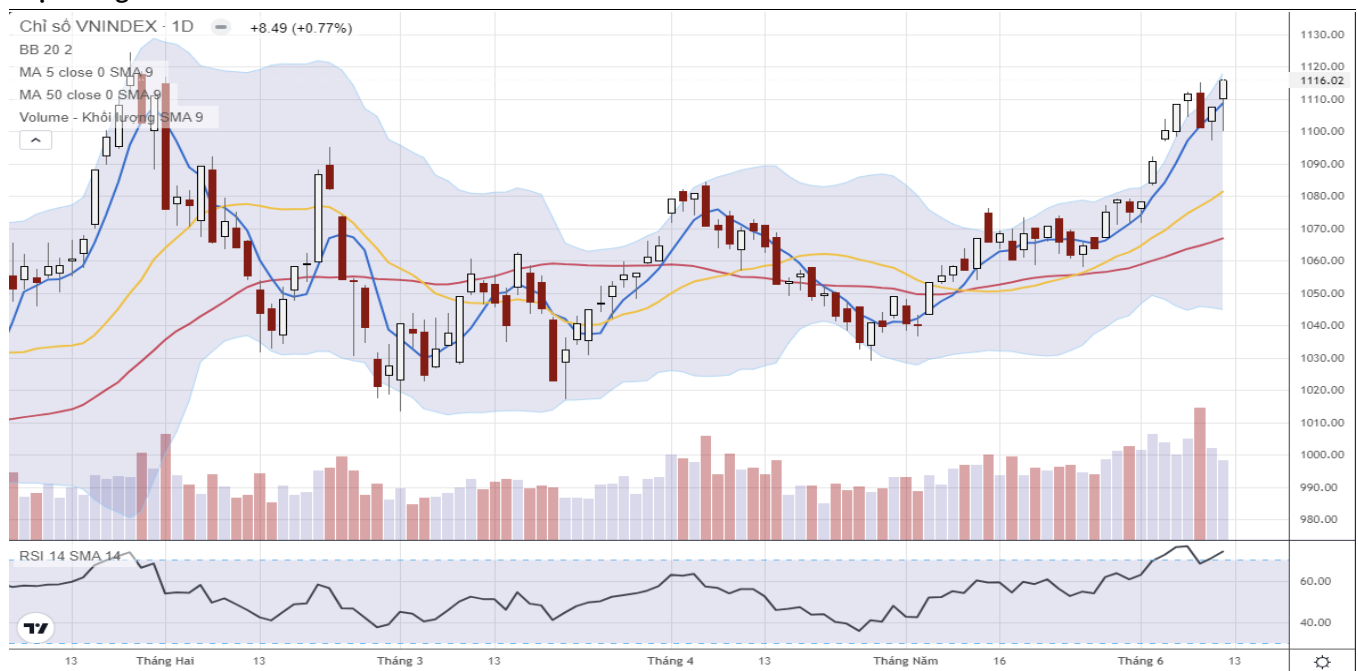


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

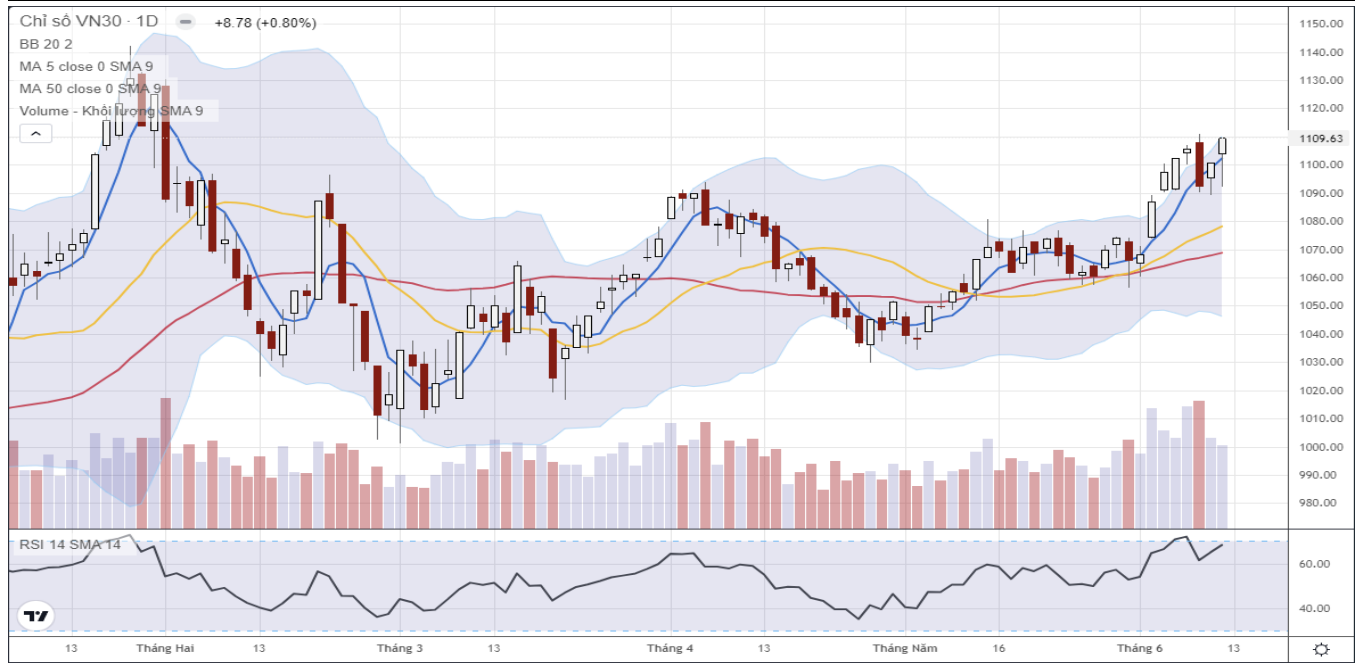
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



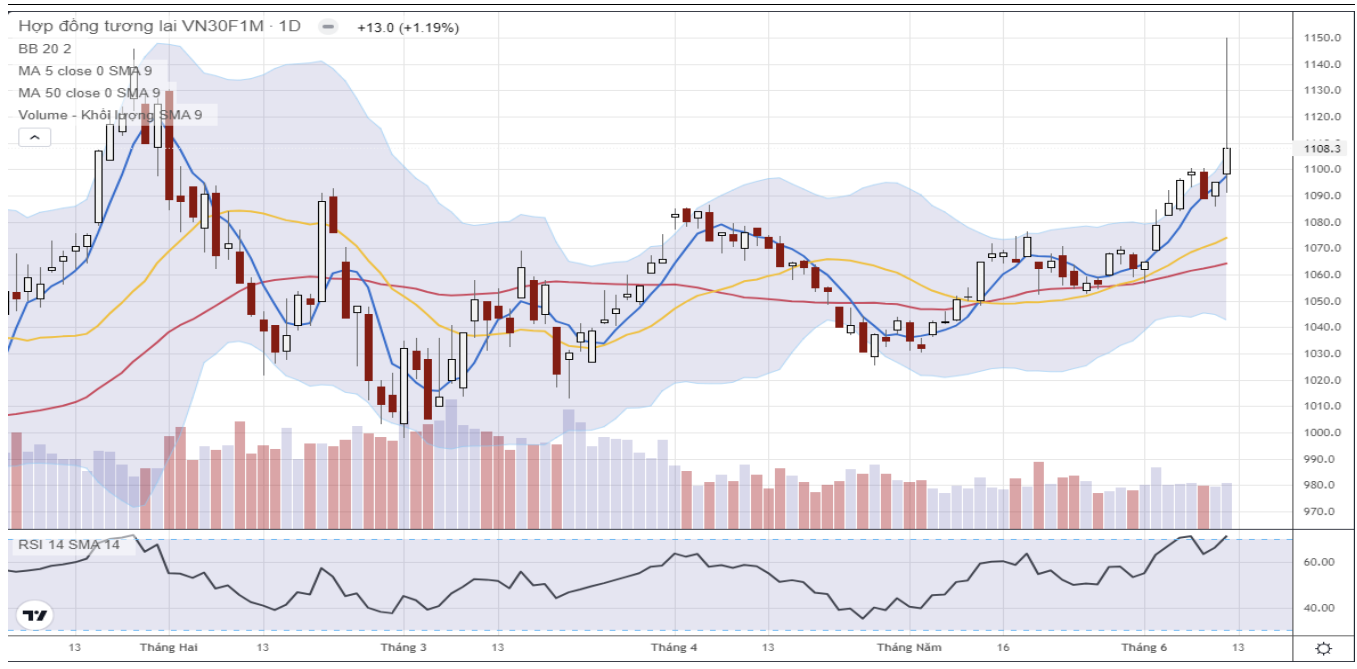
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm giảm co trong phiên trước khi hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1100 điểm đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số sớm hồi phục trở lại sau một nhịp giảm điểm giảm co. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên tiếp theo và hướng lên vùng kháng cự mạnh quanh 1125.
- Sau khi mở lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ, chờ điểm bán quay vòng khi giá cổ phiếu vượt đỉnh ngắn hạn và tiếp cận các vùng cản kế tiếp.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1116 – 1120

Kháng cự gần: 1011 – 1013

Hỗ trợ gần: 1099 – 1103

Hỗ trợ xa: 1092 – 1095

- F1 giảm điểm giảm co trong phiên trước khi hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1090 điểm đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số sớm hồi phục trở lại sau một nhịp giảm điểm giảm co. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên tiếp theo và hướng lên vùng kháng cự mạnh quanh 1120.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

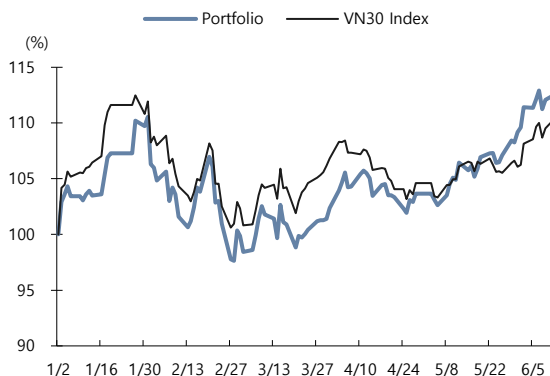
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.80%	0.41%
Tăng lũy kế (YTD)	10.39%	12.54%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,000	3.9%	11.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,350	0.4%	21.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,500	0.7%	26.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,400	-1.3%	4.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,000	-1.6%	11.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,900	0.4%	250.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,400	0.2%	50.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,900	0.2%	27.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	22,950	0.2%	106.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	27,900	1.1%	171.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.9%	96.6%	172.9
SSI	0.4%	43.4%	83.1
KBC	1.1%	19.0%	76.1
HPG	0.2%	24.3%	61.0
HDG	2.9%	22.0%	42.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GEX	2.1%	12.2%	-93.5
CTG	0.2%	27.4%	-80.9
VIX	-1.8%	6.5%	-68.7
VNM	3.2%	54.7%	-62.2
HCM	-0.8%	46.5%	-36.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	5.2%	1.1%	22.0
DTD	8.6%	6.9%	5.2
PVS	1.0%	21.0%	3.9
TNG	1.5%	15.9%	3.8
MBS	0.6%	0.6%	3.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-2.7%	4.7%	-6.3
BVS	0.4%	6.4%	-0.9
NVB	-1.9%	8.6%	-0.8
SGD	9.8%	1.0%	-0.2
NBP	0.7%	1.3%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	13.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dược	11.8%	DHG, IMP, TRA, DBD
Thiết bị điện	7.5%	GEX, SAM, CAV, RAL
Kim loại & khai thác	5.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	4.9%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.6%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng hải	-1.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Sản xuất điện	-1.4%	POW, VSH, GEG, TMP
Tiện ích điện	-1.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Bao bì & đóng gói	-0.9%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	18.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thương mại & phân phối	16.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Thiết bị điện	15.0%	GEX, SAM, CAV, RAL
Hóa chất	14.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Chứng khoán	13.3%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-5.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Bảo hiểm	-2.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Đồ uống	-1.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-1.6%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	99,384 (4.2)	22.5	72.0	65.9	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	2.1	2.5	3.3	-0.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	89,771 (3.8)	26.6	7.8	7.2	35.9	19.4	17.9	1.4	1.2	-0.2	3.2	8.2	15.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	88,510 (3.8)	17.8	15.3	13.8	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	0.0	-1.5	-5.2	1.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	299,005 (12.7)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	0.0	8.1	6.6	4.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	64,632 (2.8)	11.6	23.2	16.5	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	0.3	2.3	0.8	15.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	271,335 (11.6)	13.9	34.9	26.3	-	2.8	3.6	-	-	-1.4	-2.4	-2.4	12.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	66,059 (2.8)	6.3	14.1	12.2	11.7	23.0	21.0	2.8	2.3	0.5	3.1	8.8	26.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	35,936 (1.5)	12.7	11.4	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	0.5	-2.3	-3.0	13.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	149,994 (6.4)	0.0	5.7	5.0	14.3	16.4	15.7	0.9	0.7	0.9	2.5	11.6	26.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	121,739 (5.2)	1.4	8.3	6.9	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	0.2	-1.2	0.0	4.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	211,793 (9.0)	0.0	8.8	6.8	18.8	12.6	12.5	1.1	0.9	0.5	-0.8	-0.8	9.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	206,479 (8.8)	0.0	5.0	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	0.5	2.8	9.1	19.0
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	42,931 (1.8)	4.2	4.6	4.4	23.3	24.2	20.7	1.0	0.9	-0.5	-3.4	-5.2	15.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	465,587 (19.8)	14.0	7.5	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	0.4	0.5	5.2	25.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	144,110 (6.1)	0.0	6.3	5.6	37.4	20.0	19.6	1.1	0.9	-1.3	-1.9	8.8	21.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	120,503 (5.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.1	3.4	10.3	-8.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	31,050 (1.3)	21.0	16.0	14.4	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	1.6	0.0	-3.3	-4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,040 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.8	-5.0	4.2	9.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	485,099 (20.7)	55.4	21.0	17.0	-3.2	8.3	10.2	-	-	0.4	5.2	9.0	43.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	163,494 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.3	1.0	5.0	49.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	167,145 (7.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.8	-1.7	1.3	32.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	607,714 (25.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.5	4.4	18.9	39.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	157,045 (6.7)	42.1	16.3	15.0	4.0	29.0	31.2	4.3	4.2	3.2	2.1	-2.4	-10.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,581 (0.8)	36.9	22.7	20.7	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	2.5	1.6	-1.2	-2.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	85,346 (3.6)	16.5	42.5	19.9	-51.9	8.0	12.9	3.9	4.0	2.5	5.8	5.4	-15.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,930 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.3	2.8	8.9	-3.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	76,421 (3.3)	11.0	83.3	45.2	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.4	-0.4	-0.8	-12.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,676 (1.6)	10.8	12.6	16.6	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	0.4	-0.8	5.1	13.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	155,298 (6.6)	38.4	13.9	11.3	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-1.7	-2.8	14.6	34.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	329,824 (14.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.1	12.1	33.6	57.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	37,730 (1.6)	3.6	25.6	21.6	-52.4	2.5	2.8	-	-	5.0	7.7	8.0	112.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	43,390 (1.8)	0.0	10.9	10.4	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	0.3	-0.6	8.0	-0.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	47,057 (2.0)	46.1	15.6	15.5	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	0.2	-0.1	1.5	-7.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,301 (0.9)	31.4	12.0	11.8	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	0.8	-3.6	4.0	12.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,522 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	3.3	5.5	11.6	36.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	433,559 (18.5)	18.0	14.7	10.7	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	0.2	6.0	2.7	27.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	80,400 (3.4)	36.5	8.9	10.1	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	0.3	0.9	0.3	-22.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	81,400 (3.5)	46.5	11.7	8.6	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	1.6	1.6	6.6	-2.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	263,949 (11.2)	38.9	-	13.6	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	-0.3	4.1	1.2	42.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	69,005 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	0.9	7.4	69.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,499 (1.2)	4.6	15.8	13.9	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	-0.1	-2.9	1.1	19.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,839 (5.7)	39.9	18.8	12.5	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.8	-0.8	-3.3	4.2	31.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	65,988 (2.8)	35.9	7.5	6.5	2.2	14.8	15.0	1.0	0.9	1.7	-2.8	1.2	-4.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	125,861 (5.4)	0.0	21.9	12.0	14.4	11.1	18.3	2.4	2.2	3.9	4.4	10.3	0.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	32,333 (1.4)	0.0	13.6	11.0	2.4	20.5	22.0	2.4	2.1	0.7	-1.6	-3.3	-19.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,663 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.3	12.1	32.1	61.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	48,932 (2.1)	30.3	48.2	20.0	-75.2	-	14.1	3.7	3.0	6.9	8.9	11.4	3.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,010 (1.4)	34.6	10.7	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	0.0	-1.0	9.2	17.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,694 (0.3)	45.4	13.3	12.4	10.7	25.6	24.6	3.4	2.8	0.6	15.0	17.2	49.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	74,913 (3.2)	0.0	15.7	12.9	15.5	27.5	27.9	3.9	3.3	0.4	-0.1	5.5	10.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

